

XU HƯỚNG CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU NGÀNH KINH TẾ Ở VIỆT NAM

 NGUYỄN THỊ TUYẾT MAI*

Ngày nhận: 7/3/2019

Ngày phản biện: 15/4/2019

Ngày duyệt đăng: 24/5/2019

Tóm tắt: Một quốc gia muốn phát triển và đạt được tốc độ tăng trưởng cao phải có cơ cấu ngành hợp lý. Trong những năm qua, chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế Việt Nam đã theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát huy lợi thế so sánh ngành và vùng lãnh thổ. Nhờ đó, sau hơn 30 năm đổi mới, kinh tế Việt Nam đã đạt được những thành tựu quan trọng và còn nhiều tiềm năng. Để thực hiện mục tiêu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, Việt Nam cần chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế theo hướng nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả gắn với đẩy mạnh hội nhập kinh tế quốc tế.

Từ khóa: Chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế, Việt Nam.

TREND OF ECONOMIC STRUCTURE TRANSFERING IN VIETNAM

Abstract: A country that wants to develop and achieve high economic growth rates must have a reasonable industry structure. In recent years, the restructuring of Vietnam's economic sector has been oriented towards industrialization and modernization, which helps to promote the comparative advantages of industries and territories. As a result, after more than 30 years of Doi moi reform, Vietnam's economy has achieved many important achievements and potentials. In order to obtain the goal of industrialization and modernization, Vietnam's economy is necessary to be restructured in the direction of improving productivity, quality and efficiency in association with promoting international economic integration.

Keywords: Economic restructure transfering, Vietnam.

1. Cơ sở lý luận

Cơ cấu kinh tế là mối quan hệ tỷ lệ giữa các bộ phận hợp thành một tổng thể kinh tế, các bộ phận này có những mối liên hệ hữu cơ, những tác động qua lại cả về số lượng và chất lượng, các quan hệ tỷ lệ được hình thành trong những điều kiện kinh tế - xã hội nhất định, chúng luôn vận động và hướng vào những mục tiêu cụ thể [4, tr.179].

Dưới những góc độ khác nhau, cơ cấu kinh tế được phân thành nhiều loại:

- Cơ cấu ngành - xét dưới góc độ phân công sản xuất;
- Cơ cấu vùng lãnh thổ - xét dưới góc độ hoạt động kinh tế - xã hội theo lãnh thổ;
- Cơ cấu thành phần kinh tế - xét hoạt động kinh tế theo quan hệ sở hữu;
- Cơ cấu đối ngoại - xét trình độ mở cửa và hội nhập của nền kinh tế;
- Cơ cấu tích lũy - xét tiềm năng để phát triển kinh tế...

Trong đó cơ cấu ngành kinh tế là một trong các cơ cấu mang tính chất tổng hợp của nền kinh tế. Cơ cấu ngành kinh tế hình thành từ chuyên môn hóa sản xuất. Cơ cấu ngành kinh tế là mối quan hệ tỷ lệ

giữa các ngành trong toàn bộ nền kinh tế, mối quan hệ này bao hàm cả về số lượng và chất lượng, chúng thường xuyên biến động và hướng vào những mục tiêu nhất định.

Cơ cấu ngành kinh tế là bộ phận rất quan trọng trong cơ cấu kinh tế, sự biến động của nó có ý nghĩa quyết định đến sự biến động của nền kinh tế.

Có nhiều cách phân loại nền kinh tế theo ngành, để thống nhất, Liên Hợp Quốc đã ban hành "hướng dẫn phân loại ngành theo tiêu chuẩn quốc tế đối với toàn bộ các hoạt động kinh tế". Theo tiêu chuẩn này có thể gộp các ngành phân loại thành ba khu vực: nông nghiệp, công nghiệp và dịch vụ.

Trong quá trình hoạt động sản xuất, các ngành có mối quan hệ tác động qua lại, thúc đẩy lẫn nhau cùng phát triển. Quan hệ giữa nông nghiệp và công nghiệp là mối quan hệ truyền thống, xuyên suốt mọi thời đại, là các ngành sản xuất vật chất, thực hiện chức năng sản xuất trong quá trình tái sản xuất. Để sản phẩm của hai ngành này đi vào tiêu dùng cho sản xuất hoặc tiêu dùng cho đời sống phải trải qua phân phối và trao đổi. Những chức năng này do hoạt

* Trường Đại học Công đoàn

động dịch vụ đảm nhận. Các hoạt động của dịch vụ như thương mại, vận tải, thông tin, ngân hàng, bảo hiểm... đảm bảo cho quá trình tái sản xuất được liên tục. Không có sản phẩm thì không có cơ sở cho các hoạt động dịch vụ tồn tại. Sản xuất hàng hóa càng phát triển, đời sống nhân dân càng nâng cao thì nhu cầu dịch vụ càng lớn. Như vậy, tác động qua lại giữa các ngành tạo điều kiện thúc đẩy phát triển kinh tế.

Thực chất của chuyển dịch cơ cấu kinh tế là việc phân bổ các yếu tố đầu vào: Vốn, lao động, kỹ thuật và phương thức tổ chức sản xuất dẫn đến sự phát triển không đều giữa các ngành. Ngành có tốc độ phát triển cao hơn tốc độ phát triển chung của nền kinh tế thì sẽ tăng tỷ trọng và ngược lại, ngành có tốc độ thấp hơn sẽ giảm tỷ trọng. Nếu tất cả các ngành có cùng một tốc độ tăng trưởng thì tỷ trọng các ngành sẽ không đổi, nghĩa là không có chuyển dịch cơ cấu ngành. Quá trình chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế phụ thuộc vào sự phát triển của phân công lao động xã hội và sự phát triển của lực lượng sản xuất. Xu hướng chuyển dịch chung theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp, dịch vụ và giảm tỷ trọng nông nghiệp [8, tr. 14].

2. Kết quả nghiên cứu, thảo luận và một số khuyến nghị

2.1. Xu hướng chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế của Việt Nam từ năm 1991 đến năm 2015

Trước đổi mới, một trong những khiếm khuyết lớn nhất của cơ chế kế hoạch hóa tập trung quan liêu bao cấp là hình thành cơ cấu kinh tế, trong đó có cơ cấu ngành kinh tế, dựa trên ý chí chủ quan, bất chấp thị trường nên không có hiệu quả, kéo theo tình trạng đó là cơ cấu đầu tư lãng phí, kém sinh lợi. Đó là một trong các nguyên nhân của tình trạng trì trệ của nền kinh tế nước ta trong nhiều thập kỷ trước đổi mới.

Sau thời kỳ phôi thai của kinh tế thị trường và hội nhập kinh tế quốc tế trong 3 năm cuối thập kỷ 80 của thế kỷ trước (1987 - 1989), nền kinh tế nước ta đã có được "thời kỳ hoàng kim" trong khoảng 8 năm 1990 - 1997; mọi dự kiến của kế hoạch 5 năm 1991 - 1995 đều thực hiện vượt mức khá cao. Đáng tiếc thời kỳ tiếp theo lại ngược lại với xu thế đó. Có nhiều nguyên nhân của trạng thái đó, một trong những nguyên nhân chính là do cơ cấu kinh tế chưa hợp lý, cơ cấu đầu tư kém hiệu quả.

Cơ cấu ngành kinh tế của GDP các năm 1991 - 2015 của nước ta được thể hiện trong *bảng 1*.

Giai đoạn 1991 - 2005, đánh giá khái quát, chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế nước ta là đúng hướng, tuy chưa nhanh, chưa mạnh nhưng đã khắc phục dần những bất hợp lý của cơ cấu ngành kinh tế nặng

Bảng 1. Cơ cấu GDP theo ngành kinh tế năm 1991 - 2015 (%)

Năm	1991	1995	2000	2005	2010	2015
GDP	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0
Nông - lâm - thủy sản	40,5	27,5	24,3	21,0	20,6	17,4
Công nghiệp - xây dựng	23,8	30,1	36,6	41,0	41,1	38,5
Dịch vụ	35,7	42,4	39,1	38,0	38,3	44,1

Nguồn Tổng cục thống kê

về nông nghiệp, chuyển sang công nghiệp. Nhược điểm lớn nhất của quá trình chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế là yếu tố hiện đại hóa chưa được quan tâm đúng mức. Công nghiệp chủ yếu phát triển theo chiều rộng, tập trung vào các ngành sử dụng nhiều lao động, tính hướng nội cao. Ngành dịch vụ giảm về tỷ trọng là một sự lãng phí lớn nguồn lực của đất nước: từ 42,4% năm 1995 xuống còn 39,1% năm 2000, 38,0% năm 2005. Tỷ trọng ngành nông - lâm - thủy sản trong GDP tiếp tục xu hướng giảm từ 40,5% năm 1991 xuống còn 21% năm 2005. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp và nông thôn tuy còn chậm song đã đúng hướng. Tuy nhiên, quá trình chuyển dịch này còn thiếu sự gắn kết giữa việc tăng năng suất, mở rộng diện phát triển với kênh bao tiêu, thị trường tiêu thụ và do vậy, chưa bền vững. Cơ cấu công nghiệp tiếp tục có sự chuyển dịch đáng kể, song chưa tạo ra được sự đột phá về chất lượng, hiệu quả và các sản phẩm công nghiệp có chất lượng cao còn chiếm tỷ trọng nhỏ. Trong khu vực dịch vụ, hầu hết các ngành đều có tỷ trọng suy giảm hoặc không đổi so với GDP, trừ kinh doanh bất động sản và thương mại. Các ngành dịch vụ có hàm lượng chất xám với giá trị gia tăng cao phát triển chậm và đóng góp vào GDP còn nhỏ bé [8, tr. 15-18].

Giai đoạn 2005 - 2010, tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân 5 năm đạt 7%, nước ta đã ra khỏi tình trạng kém phát triển, bước vào nhóm các nước đang phát triển có thu nhập trung bình và hoàn thành nhiều mục tiêu phát triển thiên niên kỷ.

Hầu hết các ngành, lĩnh vực của nền kinh tế đều có bước phát triển khá. Sự phát triển ổn định trong ngành nông nghiệp, nhất là sản phẩm lương thực đã bảo đảm an ninh quốc gia. Kinh tế nông thôn và đời sống nông dân được cải thiện hơn trước. Việc tập trung đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn, đầu tư phát triển giống mới có năng suất, chất lượng cao, phát triển các cụm công nghiệp, làng nghề, tiểu thủ công nghiệp... đã có tác động tích cực đến việc sản xuất, tạo việc làm và xóa đói giảm nghèo. Sản phẩm công nghiệp phát triển ngày càng đa dạng và phong phú về chủng loại, chất lượng được cải thiện, từng bước nâng cao khả năng cạnh tranh, đảm bảo cung cầu của nền kinh tế, giữ vững thị trường trong

nước và mở rộng thị trường xuất khẩu. Đã đầu tư phát triển một số ngành công nghiệp mới, công nghệ cao. Khu vực dịch vụ có tốc độ tăng trưởng ổn định.

Cơ cấu ngành kinh tế tiếp tục được chuyển dịch theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Cụ thể: Tỷ trọng khu vực công nghiệp trong cơ cấu GDP từ 41% (năm 2005) tăng lên 41,1% (năm 2010), khu vực dịch vụ từ 38% (năm 2005) tăng lên 38,3% (năm 2010), khu vực nông nghiệp từ 21% (năm 2005) giảm xuống còn 20,6% (năm 2010). Cơ cấu lao động cũng có sự chuyển dịch tích cực. Cụ thể: Cơ cấu lao động trong nông nghiệp từ 57,1% (năm 2005) giảm xuống 48,2% (năm 2010); trong công nghiệp và xây dựng từ 18,2% (năm 2005) tăng lên 22,4% (năm 2010); dịch vụ từ 24,7% (năm 2005) tăng lên 29,4% (năm 2010). [1; tr.151-152].

Tuy nhiên, trong Văn kiện Đại hội Đại biểu Toàn quốc lần thứ XI, Đảng ta cũng nhận định: Cơ cấu kinh tế giữa các ngành, lĩnh vực chuyển dịch theo hướng tích cực nhưng còn chậm, các chỉ tiêu chuyển dịch cơ cấu kinh tế không đạt kế hoạch Đại hội X đề ra. Cụ thể về cơ cấu ngành trong GDP: Khu vực công nghiệp, xây dựng 41,1% (chỉ tiêu 43 - 44%); dịch vụ 38,3% (chỉ tiêu 40 - 41%); nông nghiệp 20,6% (chỉ tiêu 15 - 16%). Cơ cấu trong nội bộ từng ngành cũng chưa thật hợp lý. Công nghiệp chế tạo, chế biến phát triển chậm, gia công lắp ráp còn chiếm tỷ trọng lớn [1, tr.165-166].

Giai đoạn 2011 - 2015, trong Văn kiện Đại hội Đại biểu Toàn quốc lần thứ XII, Đảng ta nhận định: Cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng đạt được kết quả bước đầu. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch tích cực, tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ trong GDP tăng từ 79,9% năm 2011 lên 82,6% vào năm 2015; tỷ trọng nông nghiệp giảm từ 20,1% xuống còn 17,4%. Tỷ trọng lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội giảm, còn 44,3%.

Trong đó, cơ cấu lại nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới bước đầu đạt kết quả tích cực. Tập trung tổ chức lại sản xuất, đa dạng hóa cây trồng, vật nuôi theo nhu cầu thị trường và xây dựng các vùng sản xuất hàng hóa quy mô lớn, liên kết sản xuất, chế biến, bảo quản, tiêu thụ sản phẩm gắn với bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm; nhân rộng mô hình sản xuất hiệu quả cao. Tăng cường ứng dụng khoa học, công nghệ. Sản lượng lương thực tăng ổn định, sản lượng lúa năm 2015 đạt 45,2 triệu tấn. Phát triển mạnh khai thác, nuôi trồng, chế biến thủy sản với chất lượng và hiệu quả cao hơn. Công tác bảo vệ và phát triển rừng được chú trọng. Xuất khẩu của khu vực nông nghiệp năm 2015 đạt 30 tỷ USD, tăng 5,6% so với năm 2010; một số mặt hàng nông

sản xuất khẩu đạt thứ hạng cao trên thế giới như gạo, cà phê, cao su, hồ tiêu, hạt điều, cá tra, tôm, sản phẩm gỗ chế biến,...

Chương trình xây dựng nông thôn mới được cả nước đồng tình, ủng hộ. Thông qua chương trình đã rà soát, điều chỉnh các chính sách, tiêu chí phù hợp hơn với đặc thù từng vùng, thu hút được nhiều nguồn lực và sự tham gia đồng đảo của người dân. Đến hết năm 2015, nước ta có 1.566 xã đạt chuẩn nông thôn mới, chiếm 17,5% tổng số xã.

Cùng với đó, là những thành tựu trong quá trình cơ cấu lại công nghiệp, dịch vụ và điều chỉnh quy hoạch phát triển vùng. Cơ cấu công nghiệp chuyển dịch tích cực; tỷ trọng công nghiệp khai khoáng giảm; tỷ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo so với toàn ngành công nghiệp tăng từ 49,8% năm 2010 lên 50,5% vào năm 2015. Tập trung cơ cấu lại ngành, lĩnh vực và sản phẩm theo hướng nâng cao giá trị quốc gia, giá trị gia tăng, chất lượng và sức cạnh tranh của sản phẩm. Tích cực mở rộng thị trường ở các nước, các khu vực, không phụ thuộc quá lớn vào một thị trường. Từng bước tham gia vào mạng sản xuất và chuỗi giá trị toàn cầu. Năng lực và trình độ công nghệ ngành xây dựng được nâng lên.

Đóng góp của ngành dịch vụ vào tăng trưởng ngày càng tăng; tỷ trọng dịch vụ trong GDP tăng từ 42,0% năm 2011 lên 44,1% vào năm 2015. Đã tập trung phát triển các ngành dịch vụ có tiềm năng, lợi thế, có hàm lượng khoa học, công nghệ cao như công nghệ thông tin, truyền thông, logistics, hàng không, tài chính, ngân hàng, du lịch, thương mại điện tử, ... Mạng lưới thương mại và dịch vụ phát triển mạnh trên phạm vi cả nước, đáp ứng tốt hơn yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội. Ngành du lịch tiếp tục được cơ cấu lại theo hướng nâng cao chất lượng dịch vụ, tập trung đầu tư cơ sở vật chất và phát triển đa dạng các sản phẩm, nhất là tại các vùng du lịch trọng điểm [2, tr.234 - 237].

Tuy nhiên, trong giai đoạn này, thực hiện cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng còn chậm, chưa đồng bộ. Mô hình tăng trưởng chưa chuyển đổi kịp theo yêu cầu phát triển, còn phụ thuộc nhiều vào vốn, tài nguyên, lao động trình độ thấp. Cơ cấu kinh tế và cơ cấu lao động chuyển dịch chưa đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Đầu vào sản xuất của một số ngành còn lệ thuộc nhiều vào nhập khẩu. Sản xuất kinh doanh chưa gắn được nhiều với mạng sản xuất và chuỗi giá trị toàn cầu. Xuất khẩu thô, xuất khẩu dưới hình thức gia công còn lớn; hàm lượng giá trị quốc gia và giá trị gia tăng còn thấp.

Đổi mới công nghệ và phát triển công nghiệp hỗ

trợ, công nghiệp công nghệ cao còn chậm; tỉ lệ nội địa hóa của doanh nghiệp đầu tư trực tiếp nước ngoài còn thấp. Năng suất lao động còn thấp. Tỉ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo chỉ đạt khoảng 18% GDP vào năm 2015, thấp hơn nhiều so với các nước trong khu vực. Cụ thể như: năm 2014, tỉ trọng công nghiệp chế biến của Malaixia 24,5%GDP; Thái Lan 29%GDP; Indonexia 25,5%GDP. Nước ta chưa phát triển được nhiều sản phẩm có giá trị công nghệ cao, có khả năng cạnh tranh trên thị trường khu vực và quốc tế.

Cơ cấu lại nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới còn chậm và kết quả đạt được chưa đồng đều, chưa đạt mục tiêu đề ra; nguồn lực đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn chưa đáp ứng yêu cầu. Ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ, cơ giới hóa, công nghiệp chế biến nông sản và dịch vụ phục vụ sản xuất nông nghiệp chưa đáp ứng yêu cầu. Hợp tác, liên kết trong sản xuất nông nghiệp phát triển còn chậm, kinh tế tập thể hoạt động còn lúng túng. Sản xuất nông nghiệp còn manh mún, thiếu bền vững, hiệu quả chưa cao; chất lượng sản phẩm, năng suất lao động và thu nhập của người nông dân còn thấp. Tỉ trọng lao động trong nông nghiệp còn lớn.

Nhiều ngành dịch vụ phát triển chậm, chưa đáp ứng yêu cầu, nhất là các dịch vụ có giá trị gia tăng và hàm lượng khoa học, công nghệ cao. Hệ thống phân phối còn nhiều bất cập, chi phí trung gian lớn, chưa kết nối thông suốt, hiệu quả và chưa bảo đảm hài hòa lợi ích giữa các khâu từ sản xuất đến tiêu thụ. Phát triển du lịch còn chậm, chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế; chất lượng dịch vụ còn thấp, tính chuyên nghiệp chưa cao [2, tr.252 - 252].

2.2. Xu hướng chuyển dịch cơ cấu kinh tế của Việt Nam từ năm 2016 đến nay

Cơ cấu ngành kinh tế của GDP các năm 2016 - 2018 được thể hiện trong *bảng 2*.

Bảng 2. Cơ cấu GDP theo ngành kinh tế năm 2016 - 2018 (%)

Năm	2016	2017	2018
Nông - lâm - thủy sản	16,32	15,34	14,57
Công nghiệp - xây dựng	32,72	33,34	34,28
Dịch vụ	40,92	41,32	41,17
Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm	10,04	10,00	9,98

Nguồn: Tổng cục thống kê

Trên cơ sở quan điểm phát triển đề ra trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011 - 2020, qua thực tiễn 5 năm 2011 - 2015 và yêu cầu của bối cảnh tình hình mới, quan điểm phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2016 - 2020, Đảng ta đưa ra

trong mục tiêu tổng quát: “Cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất, hiệu quả và sức cạnh tranh”; các chỉ tiêu chủ yếu trong đó: Chỉ tiêu về kinh tế có đặt ra “Tỉ trọng công nghiệp và dịch vụ trong GDP khoảng 85%” và chỉ tiêu về xã hội “Đến năm 2020, tỉ lệ lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội khoảng 40%. Tỉ lệ lao động qua đào tạo đạt khoảng 65% - 70%, trong đó có bằng cấp, chứng chỉ đạt 25%” [2, 271-272].

Trên thực tiễn, theo Tổng cục thống kê, năm 2018, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm tỷ trọng 14,57% GDP; khu vực công nghiệp và xây dựng chiếm 34,28%; khu vực dịch vụ chiếm 41,17%, thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 9,98%. Năm 2017, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm tỷ trọng 15,34%; khu vực công nghiệp và xây dựng chiếm 33,34%; khu vực dịch vụ chiếm 41,32%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 10,00%. Cơ cấu ngành kinh tế tương ứng của năm 2016 là: 16,32%; 32,72%; 40,92%; 10,04%. Vậy theo Tổng cục thống kê, trong “*Tổng quan kinh tế - xã hội Việt Nam năm 2018*”, cơ cấu ngành kinh tế của Việt Nam tiếp tục chuyển dịch tích cực theo xu hướng giảm tỷ trọng nông, lâm nghiệp và thủy sản; tăng tỷ trọng ngành công nghiệp, xây dựng và ngành dịch vụ. Chuyển đổi cơ cấu kinh tế không chỉ diễn ra giữa các ngành kinh tế mà còn có xu hướng chuyển đổi tích cực trong nội bộ ngành sẽ góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế cả về tốc độ và chất lượng trong thời gian tới. Lĩnh vực sản xuất nông nghiệp đang chuyển đổi cơ cấu cây trồng từ loại cây có giá trị thấp sang loại cây có giá trị cao; nuôi trồng thủy sản tập trung chuyển sang các loài trọng điểm dùng làm nguyên liệu chế biến xuất khẩu, đặc biệt là nuôi tôm nước lợ. Chuyển đổi đất sản xuất nông nghiệp sang nuôi trồng thủy sản nâng cao giá trị sản xuất gấp 2,3 lần, trong đó riêng chuyển đổi 1 ha đất canh tác lúa sang nuôi tôm nước lợ sẽ nâng cao giá trị gấp khoảng 5 lần. Lĩnh vực công nghiệp chuyển dịch theo hướng phát triển các ngành công nghiệp có giá trị gia tăng cao và giá trị xuất khẩu lớn, trong đó công nghiệp chế biến, chế tạo sẽ tiếp tục là động lực quan trọng cho tăng trưởng năm 2019 với sự hỗ trợ tích cực của khu vực doanh nghiệp FDI, đặc biệt là từ các tập đoàn kinh tế lớn, có chuỗi giá trị toàn cầu như Samsung, LG, Fomosa, Toyota...

2.3. Một số khuyến nghị

Một quốc gia muốn phát triển và đạt được tốc độ tăng trưởng cao phải có cơ cấu ngành kinh tế

hợp lý. Thực tế, chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế không chỉ là hệ quả của công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước, nó còn là lực đẩy, là nguyên nhân để đảm bảo tính hiệu quả và tính định hướng của tiến trình đó. Đối với Việt Nam, để thực hiện mục tiêu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, cần cơ cấu ngành kinh tế theo hướng nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả gắn với đẩy mạnh hội nhập kinh tế quốc tế:

Một là, đẩy nhanh tốc độ cơ cấu lại nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới có hiệu quả, nâng cao chất lượng, giá trị gia tăng, phù hợp với tình hình biến đổi khí hậu, điều chỉnh diện tích đất phù hợp với mô hình sản xuất nông nghiệp mới; có chính sách thu hút doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; tăng cường hiệu quả của quá trình ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ, cơ giới hóa, công nghiệp chế biến nông sản và dịch vụ phục vụ sản xuất nông nghiệp; tiếp tục đổi mới và nhân rộng các mô hình sản xuất theo chuỗi giá trị, kết nối với hệ thống tiêu thụ trong và ngoài nước; nâng cao hiệu quả hoạt động của kinh tế tập thể; đẩy mạnh thực hiện chương trình xây dựng thương hiệu nông sản, thủy sản Việt Nam để sản xuất nông nghiệp phát triển bền vững, hiệu quả cao, nâng cao chất lượng sản phẩm, năng suất lao động và thu nhập của người nông dân... Với tỉ trọng lao động trong nông nghiệp còn lớn, Nhà nước cần có chính sách khuyến khích mở mang các ngành nghề tiểu thủ công nghiệp truyền thống để sản xuất hàng hóa xuất khẩu và hướng dẫn người nông dân tham gia các khóa học ngắn hạn dài hạn để dần chuyển đổi lao động sang các lĩnh vực như công nghiệp hay các ngành dịch vụ có giá trị cao, năng suất cao.

Hai là, đối với những nước thu nhập trung bình như Việt Nam hiện nay thì công nghiệp hóa có ý nghĩa chiến lược. Công nghiệp là khu vực có năng suất cao, cần trở thành đầu tàu cho nền kinh tế. Do vậy, ta nên cần cơ cấu lại thực chất ngành công nghiệp, chuyển dịch đến các ngành có giá trị gia tăng cao hơn và nhu cầu ngày càng tăng trên thị trường thế giới. Cụ thể như: tăng cường đổi mới công nghệ và phát triển công nghiệp hỗ trợ, nâng cao tỉ trọng công nghiệp chế biến và công nghiệp chế tạo; tăng mạnh năng suất nội bộ ngành, tăng hàm lượng công nghệ và tỷ trọng giá trị nội địa trong sản phẩm; tập trung vào một số ngành công nghiệp nền tảng, có lợi thế cạnh tranh và ý nghĩa chiến lược đối với tăng trưởng nhanh, bền vững gắn kết với bảo vệ môi trường; chú trọng phát triển công nghiệp sản xuất linh kiện, cụm linh kiện, thúc đẩy một số mặt hàng tham gia sâu, có hiệu quả

vào mạng sản xuất và chuỗi giá trị, phân phối toàn cầu, có khả năng cạnh tranh trên thị trường khu vực và quốc tế; tạo điều kiện để doanh nghiệp để xuất dự án đầu tư phục vụ mục tiêu cơ cấu lại nền kinh tế...

Ba là, thực hiện cơ cấu lại các ngành dịch vụ, duy trì tốc độ tăng trưởng các ngành dịch vụ; tập trung phát triển một số ngành dịch vụ có lợi thế, có hàm lượng khoa học và công nghệ cao; hoàn thiện hệ thống phân phối với chi phí trung gian hợp lý, kết nối thông suốt, hiệu quả, kết hợp hài hòa lợi ích giữa các khâu từ sản xuất đến tiêu thụ; phối hợp, phát huy sức mạnh tổng hợp của các bộ, ngành, thực hiện chương trình phát triển du lịch quốc gia; nâng cao tính chuyên nghiệp, chất lượng dịch vụ du lịch; khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư phát triển du lịch...

Bốn là, hoàn thiện chính sách và nâng cao năng lực thực thi pháp luật về môi trường; khắc phục cơ bản tình trạng ô nhiễm môi trường, đặc biệt quan tâm đến các khu vực trọng điểm; giám sát và đối phó các vấn đề ô nhiễm xuyên biên giới, ứng phó hiệu quả với biến đổi khí hậu.

Năm là, để thúc đẩy tăng trưởng theo chiều sâu và ổn định cần chuyển dịch mạnh cơ cấu ngành kinh tế thông qua mở cửa nền kinh tế để đổi mới công nghệ, quản lý và đào tạo đội ngũ cán bộ chất lượng cao.

Tuy nhiên, để có cơ cấu ngành kinh tế hiện đại, cần một khoảng thời gian khá dài để điều chỉnh. Điều kiện tiên quyết để chuyển dịch mạnh cơ cấu ngành kinh tế là tạo được tốc độ tăng trưởng cao nhằm tạo đà huy động ban đầu các nguồn lực vào các ngành, trong đó ngành dịch vụ phải tăng nhanh nhất, tiếp đến là ngành công nghiệp và sau đó mới đến nông nghiệp. Rõ ràng, khi tăng trưởng là một quá trình tích lũy về lượng thì khi sự tích lũy đạt đến một ngưỡng nhất định sẽ tạo sự chuyển biến về chất nghĩa là có sự chuyển dịch trong cơ cấu. □

Tài liệu tham khảo

1. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, NXB Chính trị Quốc gia, 2011.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, NXB Chính trị Quốc gia, 2016.
3. Nguyễn Thị Mai Hương (2:00 18/11/2017), *Chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế của Việt Nam: Thành tựu và kiến nghị*. Khai thác từ <http://tapchitaichinh.vn/nguyen-cuu-trao-doi/chuyen-dich-co-cau-nganh-kinh-te-cua-viet-nam-thanh-tuu-va-kiem-nghi-131892.html>
4. Ngô Thắng Lợi (chủ biên, 2002), *Giáo trình kế hoạch hóa phát*

(Xem tiếp trang 59)

phải được xem xét. Không giống máy tính, người dùng con người không thể xóa một bộ nhớ và thay thế nó bằng bộ nhớ khác. Do đó, thường xuyên thay đổi mật khẩu đã ghi nhớ là một sự căng thẳng trong bộ nhớ của con người, và hầu hết người dùng sử dụng để chọn một mật khẩu tương đối dễ đoán. Người dùng thường được khuyên sử dụng các thiết bị nhớ để nhớ các mật khẩu phức tạp. Tuy nhiên, nếu mật khẩu phải được thay đổi nhiều lần, tính nhớ sẽ vô dụng vì người dùng sẽ không thể nhớ mật khẩu nào để sử dụng. Chính vì vậy, lợi ích của việc sử dụng thời hạn mật khẩu vẫn còn gây tranh cãi. Một số hệ thống yêu cầu người dùng thay đổi mật khẩu theo định kỳ, thường là 90 hoặc 180 ngày.

Cảnh báo và khóa tài khoản

Khi người dùng không nhớ mật khẩu và cố gắng nhiều lần để đăng nhập vào một hệ thống thì hệ thống đó cần đưa ra cảnh báo không cho tiếp tục đăng nhập vào hệ thống và hơn nữa cần có chính sách khóa tài khoản của người dùng đó tạm thời trong một khoảng thời gian nhất định để đảm bảo tính bảo mật của hệ thống.

Vấn đề cảnh báo và khóa tài khoản tạm thời của một hệ thống phải bao gồm ngưỡng khóa hoặc số lần thử có thể được thực hiện trước khi khóa. Qua các nghiên cứu về khả năng phục hồi trí nhớ để khôi phục lại mật khẩu đăng nhập của người dùng, số lần thử tối đa để đăng nhập hệ thống có thể dao động từ 3 đến 5 lần là phù hợp. Thời gian khóa tạm thời của hệ thống có thể dao động từ 15 phút đến 30 phút. Tùy vào mức độ quan trọng của hệ thống thời gian tạm khóa có thể nhiều hơn hoặc thậm chí có thể khóa vĩnh viễn, tương đương với việc tài khoản sẽ bị xóa.

Sau đây là một minh họa về chính sách mật khẩu của của một hệ thống có tính bảo mật cao:

- Độ dài tối thiểu của mật khẩu là 8 ký tự
- Mật khẩu không nằm trong danh sách đen
- Thành phần của mật khẩu: Chứa ít nhất 1 ký tự hoa, 1 ký tự thường, 1 ký tự đặc biệt và 1 chữ số
- Thời hạn của mật khẩu là 90 ngày
- Chính sách cảnh báo sau 3 lần đăng nhập hệ thống không thành công
- Chính sách khóa tài khoản sau 5 lần đăng nhập hệ thống không thành công

Tóm lại, những vấn đề an ninh và an toàn thông tin là những vấn đề rất cần thiết khi phân tích và thiết kế một hệ thống. Việc thiết lập một chính sách mật khẩu an toàn, dễ sử dụng và hợp lý đối với người dùng đang là xu hướng bảo mật thông tin hiện đại

của các hệ thống trong thời kỳ CNTT phát triển mạnh mẽ. Các nhà thiết kế hệ thống và quản trị viên hệ thống cần phải thường xuyên cập nhật mới lại chính sách mật khẩu của họ để có thể đối phó với các cách tấn công kiểu mới vào hệ thống, ngăn chặn được các nguy cơ mất an toàn thông tin của hệ thống. Người dùng cũng cần có ý thức hơn trong việc tìm hiểu chính sách mật khẩu, tuân thủ mọi quy định của hệ thống và sử dụng mật khẩu đủ mạnh để đảm bảo an toàn cho dữ liệu của cá nhân cũng như dữ liệu của hệ thống mà mình tham gia. □

Tài liệu tham khảo

1. Đề tài NCKH cấp cơ sở của BM Tin học năm 2018, “Phương pháp xác thực người dùng trong quản lý lớp học trực tuyến các học phần Tin học tại Trường Đại học Công đoàn”
2. Độ mạnh của mật khẩu, https://vi.wikipedia.org/wiki/%C4%90%E1%BB%99_m%E1%BA%A1nh_c%E1%BB%A7a_m%E1%BA%ADt_kh%E1%BA%A9u.
3. Những khái niệm cơ bản về An toàn thông tin mạng, <https://securitydaily.net/an-toan-thong-tin-mang/> (Ngày cập nhật 20/10/2018).
4. Password Complexity Requirements, <http://bugcharmer.blogspot.com/2012/09/password-complexity-requirements.html> (Ngày cập nhật 17/9/2012).
5. Bùi Văn Nam, Giải pháp bảo đảm an toàn thông tin trong tình hình hiện nay, <http://nhandan.com.vn/xahoi/item/34094402-giai-phap-bao-dam-an-toan-thong-tin-trong-tinh-hinh-hien-nay.html> (Ngày cập nhật 14/9/2017).
6. Thiết lập hệ thống password an toàn, <https://quantrimang.com/thiet-lap-he-thong-password-an-toan-35212> (Ngày cập nhật 29/1/2017).
7. Mai Hoa, 6 cách tạo mật khẩu an toàn nhất, <http://xahoitongtin.vnmedia.vn/tra-i-nghiem/download/201406/6-cach-tao-mat-khau-an-toan-nhat-486601/> (Ngày cập nhật ngày 17/6/2014).

XU HƯỚNG CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU...

(Tiếp theo trang 74)

triển kinh tế - xã hội. Trường Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội.

5. Tổng cục thống kê (08:34 28/12/2018). *Tổng quan kinh tế - xã hội Việt Nam năm 2018*. Khai thác từ <http://www.gso.gov.vn/default.aspx?tabid=382&idmid=&ItemID=19041>
6. Tổng cục thống kê (14:00 27/12/2017). *Thông cáo báo chí tình hình kinh tế - xã hội năm 2017*. Khai thác từ <https://www.gso.gov.vn/default.aspx?tabid=382&idmid=2&ItemID=18667>
7. Trần Văn Thọ (2018). *Tiềm năng phát triển tốc độ cao của kinh tế Việt Nam*, Khai thác từ www.viet-studies.net/kinhte/TranVanTho_PhatTrienTocDoCao_DD.pdf
8. Nguyễn Trần Quế (chủ biên) (2004), *Chuyển dịch cơ cấu kinh tế Việt Nam trong những năm đầu thế kỷ 21*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội.